CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH
240 Hậu Giang, Phường Bình Tây, TP. HCM - ĐT: (028) 3969 0973 - FAX: (028) 3960 6814
Website: www.binhminhplastic.com.vn
CÔNG TY TNHH MTV NHỰA BÌNH MINH MIỀN BẮC
D1, Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên- ĐT: (0221) 396 7868 - Fax: (0221) 396 7869

Từ năm 1997

BẢNG GIÁ ỐNG NHỰA PP-R

ÁP DỤNG TỪ NGÀY 04-4-2026 ĐẾN KHI CÓ THÔNG BÁO MỚI

Ống nhựa PP-R theo tiêu chuẩn
DIN 8077:2009-09 & DIN 8078:2008-09

STT	Sản Phẩm		PN (bar)	Đơn giá (đồng/mét)	
	Tên	Quy cách		Chưa thuế	Thanh toán
1	Ø 20	20 x 1,9mm	10	23.900	25.812
		20 x 3,4mm	20	30.700	33.156
2	Ø 25	25 x 2,3mm	10	41.000	44.280
		25 x 4,2mm	20	54.400	58.752
3	Ø 32	32 x 2,9mm	10	57.600	62.208
		32 x 5,4mm	20	79.500	85.860
4	Ø 40	40 x 3,7mm	10	77.300	83.484
		40 x 6,7mm	20	123.200	133.056
5	Ø 50	50 x 4,6mm	10	113.300	122.364
		50 x 8,3mm	20	191.500	206.820
6	Ø 63	63 x 5,8mm	10	180.700	195.156
		63 x 10,5mm	20	302.200	326.376
7	Ø 75	75 x 6,8mm	10	252.300	272.484
		75 x 12,5mm	20	428.600	462.888
8	Ø 90	90 x 8,2mm	10	366.200	395.496
		90 x 15mm	20	624.600	674.568
9	Ø 110	110 x 10mm	10	585.600	632.448
		110 x 18,3mm	20	924.800	998.784
10	Ø 125	125 x 11,4mm	10	725.100	783.108
		125 x 20,8mm	20	1.192.600	1.288.008
11	Ø 140	140 x 12,7mm	10	895.200	966.816
		140 x 23,3mm	20	1.504.200	1.624.536
12	Ø 160	160 x 14,6mm	10	1.216.700	1.314.036
		160 x 26,6mm	20	1.997.000	2.156.760
13	Ø 200	200 x 18,2mm	10	1.841.600	1.988.928

* Nếu Quý khách có yêu cầu khác, vui lòng liên hệ với chúng tôi.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH
240 Hậu Giang, Phường Bình Tây, TP. HCM - ĐT: (028) 3969 0973 - FAX: (028) 3960 6814
Website: www.binhminhplastic.com.vn
CÔNG TY TNHH MTV NHỰA BÌNH MINH MIỀN BẮC
D1, Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên- ĐT: (0221) 396 7868 - Fax: (0221) 396 7869

BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG ỐNG NHỰA PP-R

ÁP DỤNG TỪ NGÀY 04-4-2026 ĐẾN KHI CÓ THÔNG BÁO MỚI

Phụ tùng ống nhựa PP-R

STT	Sản Phẩm		PN	Đơn giá (đồng/cái)	
	Tên	Quy cách	(bar)	Chưa thuế	Thanh toán
1	Nối trơn (Plain socket)	20	20	3.300	3.564
		25	20	5.500	5.940
		32	20	8.500	9.180
		40	20	13.700	14.796
		50	20	24.800	26.784
		63	20	52.000	56.160
		75	20	82.200	88.776
		90	20	139.200	150.336
		110	20	225.600	243.648
		125	20	425.700	459.756
		140	20	607.800	656.424
		160	20	851.500	919.620
2	Nối rút (Reducing socket)	25 x 20	20	5.100	5.508
		32 x 20	20	7.200	7.776
		32 x 25	20	7.400	7.992
		40 x 20	20	11.200	12.096
		40 x 25	20	11.300	12.204
		40 x 32	20	11.500	12.420
		50 x 20	20	19.800	21.384
		50 x 25	20	20.100	21.708
		50 x 32	20	20.400	22.032
		50 x 40	20	20.600	22.248
		63 x 20	20	38.200	41.256
		63 x 25	20	38.800	41.904
		63 x 32	20	39.100	42.228
		63 x 40	20	39.400	42.552
		63 x 50	20	39.800	42.984
		75 x 32	20	68.200	73.656
		75 x 40	20	74.500	80.460
		75 x 50	20	74.500	80.460
		75 x 63	20	74.500	80.460
		90 x 40	20	108.300	116.964
		90 x 50	20	108.300	116.964
		90 x 63	20	131.400	141.912
		90 x 75	20	131.400	141.912
		110 x 50	20	191.900	207.252
		110 x 63	20	257.600	278.208
		110 x 75	20	257.600	278.208
		110 x 90	20	269.100	290.628
		125 x 90	20	295.600	319.248
		125 x 110	20	411.200	444.096
		140 x 110	20	874.000	943.920
		160 x 110	20	915.400	988.632
		160 x 125	20	920.000	993.600
		160 x 140	20	929.200	1.003.536
3	Co 90^0 rút (90^0 Reducing elbow)	25 x 20	20	10.900	11.772
		32 x 20	20	14.000	15.120
		32 x 25	20	17.800	19.224

Phụ tùng ống nhựa PP-R

STT	Sản Phẩm		PN	Đơn giá (đồng/cái)	
	Tên	Quy cách	(bar)	Chưa thuế	Thanh toán
4	Co 90^0 (90^0 Elbow)	20	20	6.200	6.696
		25	20	8.300	8.964
		32	20	14.300	15.444
		40	20	23.700	25.596
		50	20	41.200	44.496
		63	20	126.200	136.296
		75	20	164.600	177.768
		90	20	258.300	278.964
		110	20	529.000	571.320
		125	20	821.800	887.544
		140	20	1.072.600	1.158.408
		160	20	1.713.500	1.850.580
5	Co 45^0 (45^0 Elbow)	20	20	5.200	5.616
		25	20	8.300	8.964
		32	20	12.400	13.392
		40	20	24.600	26.568
		50	20	47.200	50.976
		63	20	109.300	118.044
		75	20	162.400	175.392
		90	20	193.300	208.764
		110	20	336.700	363.636
		140	20	811.900	876.852
		160	20	984.500	1.063.260
6	Co đôi 90^0 ren trong thau (Brass female thread double 90^0 elbow)	25 x 1/2"	20	144.900	156.492
7	Co 90^0 ren trong thau (Brass female thread 90^0 elbow)	20 x 1/2"	20	57.400	61.992
		20 x 3/4"	20	70.000	75.600
		25 x 1/2"	20	65.200	70.416
		25 x 3/4"	20	87.800	94.824
		32 x 3/4"	20	140.000	151.200
		32 x 1"	20	162.200	175.176
8	Co 90^0 ren ngoài thau (Brass male thread 90^0 elbow)	20 x 1/2"	20	80.800	87.264
		20 x 3/4"	20	90.000	97.200
		25 x 1/2"	20	91.300	98.604
		25 x 3/4"	20	107.900	116.532
		32 x 3/4"	20	140.000	151.200
		32 x 1"	20	171.800	185.544
9	Chữ T (Tee)	20	20	7.200	7.776
		25	20	11.300	12.204
		32	20	18.400	19.872
		40	20	40.300	43.524
		50	20	59.100	63.828
		63	20	141.800	153.144
		75	20	218.200	235.656
		90	20	320.400	346.032
		110	20	494.700	534.276
		125	20	1.066.600	1.151.928
		140	20	1.120.200	1.209.816
		160	20	2.053.900	2.218.212

*Sản phẩm phụ tùng ống nhựa PP-R do Nhựa Bình Minh sản xuất. Nếu Quý khách có nhu cầu khác, vui lòng liên hệ với chúng tôi.

Phụ tùng ống nhựa PP-R

STT	Sản Phẩm		PN	Đơn giá (đồng/cái)	
	Tên	Quy cách	(bar)	Chưa thuế	Thanh toán
10	Nối ren ngoài thau (Brass male thread socket)	20 x 1/2"	20	65.200	70.416
		20 x 3/4"	20	72.000	77.760
		25 x 1/2"	20	75.300	81.324
		25 x 3/4"	20	90.900	98.172
		32 x 3/4"	20	112.000	120.960
		32 x 1"	20	164.000	177.120
		40 x 1.1/4"	20	390.900	422.172
		50 x 1.1/2"	20	488.600	527.688
		63 x 2"	20	827.900	894.132
		75 x 2.1/2"	20	1.269.000	1.370.520
		90 x 3"	20	2.565.100	2.770.308
		110 x 4"	20	4.315.700	4.660.956
11	Nối ren trong thau (Brass female thread socket)	20 x 1/2"	20	51.600	55.728
		20 x 3/4"	20	63.000	68.040
		25 x 1/2"	20	63.100	68.148
		25 x 3/4"	20	70.400	76.032
		32 x 3/4"	20	91.000	98.280
		32 x 1"	20	152.000	164.160
		40 x 1"	20	252.000	272.160
		40 x 1.1/4"	20	284.400	307.152
		50 x 1.1/2"	20	377.300	407.484
		63 x 2"	20	763.500	824.580
		75 x 2.1/2"	20	1.086.900	1.173.852
		90 x 3"	20	2.179.600	2.353.968
		110 x 4"	20	3.160.000	3.412.800
12	Bộ bích kép: Mặt bích, vai bích kép kèm gioăng (Flange with seal & backing)	32	20	719.900	777.492
		40	20	828.000	894.240
		50	20	862.500	931.500
		63	20	945.300	1.020.924
		75	20	1.122.400	1.212.192
		90	20	1.388.100	1.499.148
		110	20	1.813.600	1.958.688
		125	20	2.328.800	2.515.104
		140	20	2.415.000	2.608.200
		160	20	2.806.000	3.030.480
13	Ống tránh (Bridging piece)	20	20	16.300	17.604
		25	20	30.600	33.048
		32	20	54.300	58.644
		40	20	86.900	93.852
		50	20	161.000	173.880
		63	20	334.100	360.828
14	Van xoay (Gate valve)	20	20	271.400	293.112
		25	20	312.200	337.176
		32	20	447.900	483.732
		40	20	753.900	814.212
		50	20	1.175.700	1.269.756
		63	20	1.811.600	1.956.528
		75	20	5.037.000	5.439.960
		90	20	6.854.000	7.402.320
15	Van gạt (Ball valve)	20	20	253.600	273.888
		25	20	312.200	337.176
		32	20	441.840	477.187
		40	20	637.280	688.262
		50	20	966.280	1.043.582
		63	20	1.506.820	1.627.366
16	Van chặn (Stop valve)	25	20	274.200	296.136
17	Nắp khóa ren ngoài (Male thread end cap)	20 x 1/2"	20	13.900	15.012
		25 x 3/4"	20	15.000	16.200
18	Nắp khóa (End cap)	20	20	3.100	3.348
		25	20	5.200	5.616
		32	20	7.900	8.532
		40	20	10.500	11.340
		50	20	19.600	21.168
		63	20	97.800	105.624
		75	20	167.200	180.576
		90	20	188.100	203.148
		110	20	207.000	223.560

Phụ tùng ống nhựa PP-R

STT	Sản Phẩm		PN	Đơn giá (đồng/cái)	
	Tên	Quy cách	(bar)	Chưa thuế	Thanh toán
19	Chữ T rút (Reducing tee)	25 x 20	20	11.300	12.204
		32 x 20	20	19.800	21.384
		32 x 25	20	20.000	21.600
		40 x 20	20	43.500	46.980
		40 x 25	20	43.900	47.412
		40 x 32	20	44.300	47.844
		50 x 20	20	76.500	82.620
		50 x 25	20	77.200	83.376
		50 x 32	20	77.900	84.132
		50 x 40	20	78.700	84.996
		63 x 20	20	132.800	143.424
		63 x 25	20	134.100	144.828
		63 x 32	20	135.200	146.016
		63 x 40	20	136.500	147.420
		63 x 50	20	137.400	148.392
		75 x 25	20	183.500	198.180
		75 x 32	20	185.200	200.016
		75 x 40	20	186.300	201.204
		75 x 50	20	189.800	204.984
		75 x 63	20	189.800	204.984
		90 x 40	20	280.400	302.832
		90 x 50	20	286.000	308.880
		90 x 63	20	310.500	335.340
		90 x 75	20	328.400	354.672
		110 x 63	20	483.000	521.640
		110 x 75	20	488.800	527.904
		110 x 90	20	491.100	530.388
		125 x 75	20	892.400	963.792
		125 x 90	20	953.500	1.029.780
		140 x 63	20	1.260.400	1.361.232
		140 x 75	20	1.334.000	1.440.720
		140 x 90	20	1.453.000	1.569.240
		140 x 110	20	1.493.300	1.612.764
		140 x 125	20	1.789.600	1.932.768
		160 x 90	20	1.690.500	1.825.740
		160 x 110	20	1.795.300	1.938.924
		160 x 125	20	2.005.300	2.165.724
20	Chữ T ren ngoài thau (Brass male thread tee)	20 x 1/2"	20	71.300	77.004
		20 x 3/4"	20	85.200	92.016
		25 x 1/2"	20	77.400	83.592
		25 x 3/4"	20	93.600	101.088
		32 x 1"	20	196.800	212.544
		50 x 3/4"	20	322.000	347.760
		50 x 1"	20	362.000	390.960
21	Chữ T ren trong thau (Brass female thread tee)	20 x 1/2"	20	57.900	62.532
		20 x 3/4"	20	80.000	86.400
		25 x 1/2"	20	61.900	66.852
		25 x 3/4"	20	90.300	97.524
		32 x 1"	20	197.000	212.760
		50 x 3/4"	20	380.000	410.400
		50 x 1"	20	400.000	432.000
22	Bộ khớp nối sống (Barrel union)	20	20	40.600	43.848
		25	20	63.100	68.148
		32	20	91.800	99.144
		40	20	99.400	107.352
		50	20	150.800	162.864
		63	20	351.800	379.944
23	Khớp nối sống ren ngoài thau (Brass male thread union)	25 x 3/4"	20	286.000	308.880
		32 x 1"	20	449.500	485.460
		50 x 1.1/2"	20	1.177.100	1.271.268
		63 x 2"	20	1.592.200	1.719.576
24	Khớp nối sống ren trong thau (Brass female thread union)	20 x 1/2"	20	172.000	185.760
		25 x 3/4"	20	275.500	297.540
		32 x 1"	20	403.800	436.104
		40 x 1.1/4"	20	632.700	683.316
		50 x 1.1/2"	20	1.102.000	1.190.160
		63 x 2"	20	1.468.700	1.586.196

*Sản phẩm phụ tùng ống nhựa PP-R do Nhựa Bình Minh sản xuất. Nếu Quý khách có nhu cầu khác, vui lòng liên hệ với chúng tôi.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH
240 Hậu Giang, Phường Bình Tây, TP. HCM - ĐT: (028) 3969 0973 - FAX: (028) 3960 6814
Website: www.binhminhplastic.com.vn
CÔNG TY TNHH MTV NHỰA BÌNH MINH MIỀN BẮC
D1, Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên- ĐT: (0221) 396 7868 - Fax: (0221) 396 7869

NHỰA BÌNH MINH

Từ năm 1997

BẢNG GIÁ ỐNG NHỰA & PHỤ TÙNG PP-R - KHÁNG UV

ÁP DỤNG TỪ NGÀY 04-4-2026 ĐẾN KHI CÓ THÔNG BÁO MỚI

STT/ *No.*	Sản Phẩm/ *Item*		ĐVT/ *Unit*	Đơn giá (đồng) *Unit price (VND)*	
	Tên / *Product Name*	PN (bar)		Chưa thuế *(ex. VAT)*	Có thuế *(incl. VAT)*
1	**ỐNG PPR KHÁNG UV** ***(UV - resistant PPR pipe)*** (theo tiêu chuẩn/*according to* DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09)				
1.1	Ống PP-R dn25x4.2 mm - kháng UV *UV - resistant PPR pipe dn25x4,2mm PN20 bar*	20 bar	Mét	65.300	70.524
2	**PHỤ TÙNG PPR KHÁNG UV** ***(UV - resistant PPR fittings)*** (theo tiêu chuẩn/*according to* TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013/DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09)				
2.1	Nối PP-R dn25 - kháng UV *UV - resistant Plain Socket PP-R dn25*	20 bar	Cái/*pcs*	6.700	7.236
2.2	Co PP-R dn25 - kháng UV *UV - resistant 90° Elbow PP-R dn25*	20 bar	Cái/*pcs*	10.000	10.800
2.3	Co 45 PP-R dn25 - kháng UV *UV - resistant 45° Elbow PP-R dn25*	20 bar	Cái/*pcs*	10.000	10.800
2.4	T PP-R dn25 - kháng UV *UV - resistant Tee (T) PP-R dn25*	20 bar	Cái/*pcs*	13.600	14.688
2.5	Khớp nối sống PP-R dn25 - kháng UV *UV - resistant Barrel Union PP-R dn25*	20 bar	Bộ/*set*	75.700	81.756
2.6	Van xoay PP-R dn25 - kháng UV *UV - resistant Gate Valve PP-R dn25*	20 bar	Cái/*pcs*	298.400	322.272
2.7	Co ren trong thau PP-R dn25x1/2 - kháng UV *UV - resistant female thread Elbow dn25x1/2*	20 bar	Cái/*pcs*	61.400	66.312
2.8	Co ren trong thau PP-R dn25x3/4 - kháng UV *UV - resistant female thread Elbow dn25x3/4*	20 bar	Cái/*pcs*	82.800	89.424
2.9	Co ren ngoài thau PP-R dn25x1/2 - kháng UV *UV - resistant male thread Elbow dn25x1/2*	20 bar	Cái/*pcs*	86.100	92.988
2.10	Co ren ngoài thau PP-R dn25x3/4 - kháng UV *UV - resistant male thread Elbow dn25x3/4*	20 bar	Cái/*pcs*	107.000	115.560
2.11	Nối ren ngoài thau PP-R dn25x3/4 - kháng UV *UV - resistant male thread Socket dn25x3/4*	20 bar	Cái/*pcs*	86.500	93.420
2.12	Nối ren trong thau PP-R dn25x1/2 - kháng UV *UV - resistant female thread Socket dn25x1/2*	20 bar	Cái/*pcs*	60.100	64.908
2.13	Nối ren trong thau PP-R dn25x3/4 - kháng UV *UV - resistant female thread Socket dn25x3/4*	20 bar	Cái/*pcs*	66.500	71.820
2.14	T ren trong thau PP-R dn25x3/4 - kháng UV *UV - resistant female thread Tee dn25x3/4*	20 bar	Cái/*pcs*	85.200	92.016

Lưu ý **Ống PP-R kháng UV có màu đen, đường chỉ sọc màu đỏ**
Note ***UV - resistant PPR pipe is black with a red stripe***